

Bản án số: 19/2025/HS-PT

Ngày 20-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Sông Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 205/2024/TLPT-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Văn Nh do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 148/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Văn Nh; sinh ngày 04 tháng 9 năm 1983 tại H. Nơi cư trú: Số 172 L, tổ L, phường NS, quận K, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn S và bà Phạm Thị H; có vợ là Phạm Thị A và hai con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31 tháng 7 năm 2024. Có mặt.

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Ngoài ra còn có một bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ KL, phường NS, quận K, thành phố H. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Anh Phạm Minh Hoàng; nơi cư trú: Tổ KL, phường NS, quận K, thành phố H; là người đại diện theo uỷ quyền của bị hại (Văn bản uỷ quyền ngày 21 tháng 6 năm 2024). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn Nh làm công việc nhận thầu đổ bê tông cho các công trình xây dựng nên đã mua các xe mô tô ba bánh phân khối lớn có dung tích xi lanh 197cm³, hãng Dongben, kéo theo đầu máy nổ (máy tời) có bánh xe. Từ năm 2021, Nh thuê khoảng 10 người làm công, trong đó có 02 người được hướng dẫn, điều khiển, sử dụng xe mô tô ba bánh phân khối lớn, không có gương chiếu hậu. Do hoàn cảnh khó khăn, bố chết, nên Vũ Hữu T phải nghỉ học, tham gia lao động kiếm tiền hỗ trợ gia đình. T chưa học đào tạo điều khiển xe mô tô; không biết các quy định về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; chưa biết sử dụng, vận hành, điều khiển xe mô tô ba bánh. Từ năm 2022, Nh biết T có hoàn cảnh khó khăn và chưa được cấp giấy phép lái xe mô tô, nhưng Nh vẫn nhận T làm thuê cho mình, rồi hướng dẫn cho T điều khiển, sử dụng xe này với lý do thấy T cao 1,8m, nhanh nhẹn. Nh đã hướng dẫn T công dụng của nút điều khiển, cách vận hành, điều khiển xe, một số vấn đề kỹ thuật của xe, sửa chữa xe khi gặp hỏng hóc. Khi T đã học thuộc các nút điều khiển, cách thức vận hành, thì Nh cho T tập điều khiển xe mô tô ba bánh di chuyển ở sân nhà Nh. Sau khi T sử dụng xe thành thạo thì Nh đi cùng T điều khiển xe mô tô ba bánh phân khối lớn ra ngoài đường. Nh, T đều biết phải có giấy phép lái xe mô tô hạng A3 mới được phép điều khiển xe mô tô ba bánh phân khối lớn, có chỉ giới tốc độ tối đa là 160km/giờ, nhưng do tiết kiệm chi phí và phục vụ công việc, nên Nh vẫn giao cho T xe để sử dụng. Hàng ngày đi làm, T đến nhà Nh nhận xe mô tô ba bánh phân khối lớn kéo theo đầu máy nổ có bánh xe, chở dụng cụ công trình, rồi điều khiển xe đến làm việc tại các công trình đổ bê tông mà Nh nhận thầu.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 03 tháng 12 năm 2023, T đến nhà Nh để tập trung cùng những người khác chuẩn bị đi làm. Tại đây, Nh giao cho T xe mô tô ba bánh phân khối lớn kéo theo đầu máy nổ, cùng dụng cụ đổ bê tông trên thùng xe. Sau đó, T điều khiển xe mô tô ba bánh kéo theo một đầu máy nổ có gắn bánh xe, trên thùng xe có chứa dụng cụ đổ bê tông nặng khoảng 70 kg, đi ra đường Trần Nhân Tông theo hướng đi về ngã 5 Kiến An đến công trình xây dựng ở huyện An Lão, thành phố Hải Phòng để đổ bê tông. Khi đi gần đến lối rẽ vào ngõ 837 Trần Nhân Tông, phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng, T quan sát thấy bà Nguyễn Thị Hương điều khiển xe đạp điện nhãn hiệu Ninja màu đỏ đang di chuyển phía trước cùng chiều với T, vị trí ở ngay trước ngõ 837 Trần Nhân Tông. Lúc này, T cần đi vội và quan sát thấy khu vực bên phải bà Nguyễn Thị Hương đang trống, nên T tăng tốc độ xe lên khoảng 40km/h, điều khiển xe vượt về phía bên phải xe đạp điện của bà Hương. Khi đầu xe của T vượt qua xe đạp điện của bà Hương thì thùng xe bên trái của xe mô tô T đang điều khiển đã va chạm vào tay lái bên phải xe của bà Hương, khiến bà Hương cùng xe đạp điện đổ ngã ra đường. Không biết việc xảy ra tai nạn, T tiếp tục đi tiếp khoảng 300m, thì một người đi xe máy (chưa rõ lai lịch) đi đến chỗ T nói: “Em ơi, em gây tai nạn rồi, em quay lại xem người ta làm sao

không”. T đã điều khiển xe mô tô ba bánh quay lại nơi xảy ra tai nạn, rồi thuê taxi, đưa bà Hường đến Bệnh viện Kiến An làm thủ tục cấp cứu, điều trị cho bà Hường.

Tại Bản kết luận giám định số 91/2024/KLGĐTT-TTPYHP ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bà Nguyễn Thị Hường tại thời điểm giám định là 86%. Các thương tích trên có đặc điểm do tác động tương hỗ trực tiếp với vật tày gây nên.

Kết quả xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của Bệnh viện đa khoa Hồng Đức hồi 09 giờ 40 phút ngày 03 tháng 12 năm 2023 đối với Vũ Hữu T thể hiện: Định lượng Alcohol (cồn) trong máu có kết quả <10 (trị số bình thường là <10mg/100ml). Kết quả xét nghiệm nước tiểu của Bệnh viện đa khoa Hồng Đức hồi 09 giờ 40 phút ngày 03-12-2023 đối với Vũ Hữu T thể hiện: Không có ma Ty Marijuana (THC), Amphetamin, Methamphetamin, Morphin/Heroin.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 148/2024/HS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Vũ Hữu T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và bị cáo Phạm Văn Nh phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Hữu T 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào b khoản 1, khoản 4 Điều 264; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng của bị cáo Phạm Văn Nh trong thời hạn cải tạo không giam giữ. Phạt tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ của người được hưởng án treo, xử lý vật chứng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và bị hại theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 11 năm 2024, bị cáo Phạm Văn Nh có đơn kháng cáo với nội dung việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đồng thời hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là trái quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bỏ hoặc giảm bớt thời gian cải tạo không giam giữ và bỏ hoặc giảm bớt khoản tiền khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ hình phạt và miễn hoặc giảm khoản tiền khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn Nh về tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo điểm b khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, các tình giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt 30 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo giao nộp tài liệu thể hiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, phải nuôi con nhỏ và bố mẹ là người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm miễn khoản tiền khấu trừ thu nhập hàng tháng và giảm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 19 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Kiên An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án; tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Nh có mặt. Vì vậy, ngày 25 tháng 11 năm 2024, bị cáo có đơn kháng cáo là vẫn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn Nh về tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo điểm b khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi của bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không kháng cáo về tội danh và khung hình phạt; chỉ kháng cáo cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cả hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tiền đối với bị cáo là không đúng quy định của pháp luật; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn, giảm khoản tiền khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Nh: Theo quy định tại khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự thì hình phạt tiền hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng là hình phạt chính đối với hành vi phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này (trong đó có điểm b “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên*”). Ngoài ra, theo quy định tại khoản 4 Điều 264 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Hình phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 264 của Bộ luật Hình sự là hình phạt bổ sung trong trường hợp bị cáo không bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền. Trong vụ án này, bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ. Vì vậy, việc Tòa

án cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 4 Điều 264 của Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là không trái quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót khi không nhận định rõ trong bản án việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung, dẫn đến việc bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cả hình phạt cải tạo không giam giữ và hình phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 264 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, vai trò, mức độ của hành vi phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo mức hình phạt 30 tháng cải tạo không giam giữ là thỏa đáng, không nặng. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Vì vậy, kháng cáo của bị cáo về việc đề nghị huỷ bỏ hoặc giảm nhẹ hình phạt cải tạo không giam giữ là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo giao nộp đơn trình bày (có xác nhận của Tổ trưởng Tổ dân phố và chính quyền địa phương) thể hiện bị cáo là lao động tự do, thu nhập bình quân hiện tại chỉ từ 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/tháng; vợ của bị cáo là công nhân của Xưởng đế giày với thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/tháng; bản thân bị cáo phải nuôi con đang ở độ tuổi đi học và bố mẹ là người cao tuổi. Xét, thu nhập của bị cáo tại thời điểm hiện tại chỉ đủ nuôi sống bản thân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo và giảm nhẹ hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Văn Nh; sửa bản án sơ thẩm:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 và khoản 4 Điều 264; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Nh phạm tội “Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ”; xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận Kiến An, thành phố Hải Phòng nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Văn Nh cho Ủy ban nhân dân phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm

phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Nam Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

2. Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Phạm Văn Nh.

3. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Phạm Văn Nh 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Văn Nh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQTHAHS - Công an quận Kiến An;
- CQCSĐT - Công an quận Kiến An;
- VKSND quận Kiến An;
- TAND quận Kiến An;
- Chi cục THADS quận Kiến An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Bích Diệp

